

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



Số.: 871/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc tại trang 1, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

22/02/2012
H
Y
T
A
O
D
I
K

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.441.319.353	261.710.726.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	275.123.670.080	108.323.408.720
1. Tiền	111		5.562.336.747	4.983.402.053
2. Các khoản tương đương tiền	112		269.561.333.333	103.340.006.667
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	47.231.700	142.901.136.751
1. Đầu tư ngắn hạn	121		171.777.692	156.849.288.180
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(124.545.992)	(13.948.151.429)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.020.586.723	8.768.745.676
1. Phải thu khách hàng	131		304.463.623	2.284.717.020
2. Trả trước cho người bán	132		44.123.100	1.469.851.880
3. Các khoản phải thu khác	138		4.672.000.000	5.014.176.776
IV. Hàng tồn kho	140		1.516.352.760	1.051.612.380
1. Hàng tồn kho	141	7	1.516.352.760	1.051.612.380
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		733.478.090	665.822.568
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		699.803.090	665.822.568
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		33.675.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.907.044.899	26.243.527.986
I. Tài sản cố định	220		18.296.265.971	22.204.811.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	7.583.402.226	9.853.305.842
- Nguyên giá	222		18.036.878.283	18.152.026.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.453.476.057)	(8.298.720.734)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	10.712.863.745	12.351.505.965
- Nguyên giá	228		17.106.339.566	16.618.177.066
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.393.475.821)	(4.266.671.101)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.610.778.928	4.038.716.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.649.553.268	2.556.444.532
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		241.255.100	201.663.775
3. Tài sản dài hạn khác	268		719.970.560	1.280.607.872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		303.348.364.252	287.954.254.081



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.956.727.170	3.623.922.146
I. Nợ ngắn hạn	310		3.956.727.170	3.623.922.146
1. Phải trả người bán	312		549.859.200	521.067.060
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	4.859.091	59.743.358
3. Chi phí phải trả	316		687.153.589	1.166.732.882
4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	2.703.440.845	1.759.932.004
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		27.204	864.200
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		11.387.241	115.582.642
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299.391.637.082	284.330.331.935
I. Vốn chủ sở hữu	410		299.391.637.082	284.330.331.935
1. Vốn cổ phần	411	13	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lũy kế	420		(60.608.362.918)	(75.669.668.065)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		303.348.364.252	287.954.254.081

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

	Mã số	31/12/2011	31/12/2010
Lưu ký chứng khoán			
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	010	75.484.000	544.643.000



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 2 năm 2012


Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-CTCK
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu	01		41.130.784.176	31.229.545.625
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		226.978.685	789.729.891
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.2		380.404.559	5.354.279.955
- Doanh thu hoạt động tư vấn doanh nghiệp	1.5		-	141.556.500
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6		3.950.000	18.754.545
- Doanh thu khác	1.9	14	40.519.450.932	24.925.224.734
2. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		41.130.784.176	31.229.545.625
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		(13.754.930.382)	(26.091.123.309)
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		27.375.853.794	5.138.422.316
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(12.273.059.889)	(14.575.237.543)
6. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.102.793.905	(9.436.815.227)
7. Thu nhập khác	31		8.090.909	82.476.646
8. Chi phí khác	32		(49.579.667)	(383.650.715)
9. Lỗ khác	40		(41.488.758)	(301.174.069)
10. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		15.061.305.147	(9.737.989.296)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	-	-
12. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.061.305.147	(9.737.989.296)
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	418	(270)



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011		2010	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	15.061.305.147		(9.737.989.296)	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	4.281.560.043		4.231.051.602	
Các khoản dự phòng	03	(13.823.605.437)		5.800.492.973	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-		(25.099.200)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.990.749.974)		(25.352.930.908)	
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(35.471.490.221)		(25.084.474.829)	
Giảm các khoản phải thu	09	3.403.171.620		1.369.428.075	
Tăng hàng tồn kho	10	(464.740.380)		-	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	332.805.024		(5.285.897.391)	
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	872.910.742		(1.318.767.866)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	560.637.312		451.787.387	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(33.675.000)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.800.380.903)		(29.867.924.624)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(422.593.874)		(1.858.878.314)	
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	8.090.909		23.700.000	
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-		(110.908.792.194)	
4. Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	156.677.510.488		-	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	41.337.634.740		23.486.933.257	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	197.600.642.263		(89.257.037.251)	
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	166.800.261.360		(119.124.961.875)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	108.323.408.720		227.448.370.595	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>275.123.670.080</u>		<u>108.323.408.720</u>	

Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Lỗ lũy kế <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2010	360.000.000.000	(65.931.678.769)	294.068.321.231
Lỗ trong năm	-	(9.737.989.296)	(9.737.989.296)
Tại ngày 31/12/2010	360.000.000.000	(75.669.668.065)	284.330.331.935
Lợi nhuận trong năm	-	15.061.305.147	15.061.305.147
Tại ngày 31/12/2011	360.000.000.000	(60.608.362.918)	299.391.637.082



Trương Gia Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Trần Minh Vinh
Kế toán trưởng

20
H
C
P
L
C
P
P
T
7/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 28 người (năm 2010: 39 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu các doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC (“Thông tư 162”) nhằm bổ sung cho Thông tư 95/2008/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn về kế toán cho các công ty chứng khoán. Việc áp dụng Thông tư 162 yêu cầu trình bày thêm thông tin trong báo cáo tài chính.

Hai thông tư trên có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và các thuyết minh bổ sung cho việc áp dụng này được trình bày tại thuyết minh số 18. Công ty cũng đã áp dụng Thông tư 162 cho việc trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

32/ AN T N H U T VA SO VA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty là tất cả các khoản công nợ bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (năm)	2010 (năm)
Máy móc thiết bị	5 - 8	8
Phương tiện vận tải	10	8
Thiết bị văn phòng	6 - 8	8

Trong năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng thời gian sử dụng hữu ích của những tài sản mua mới trong năm khác với những tài sản cùng loại trong năm trước.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến tám năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này trong năm. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra. Các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí cải tạo văn phòng và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được kết quả giao dịch từ Sở Giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trích lập quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỉ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỉ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

THÀNH CÔNG
CÔNG TY
CHỨNG
KHOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Luật chứng khoán Việt Nam số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến quy định này nên Công ty chưa mua bảo hiểm cũng như trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	27.721.145	5.108.299
Tiền gửi ngân hàng	5.534.615.602	4.978.293.754
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>2.667.859.676</i>	<i>764.316.152</i>
Các khoản tương đương tiền	269.561.333.333	103.340.006.667
	<u>275.123.670.080</u>	<u>108.323.408.720</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn ba tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 14,05%/năm (năm 2010: 12,55%/năm). Tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 2.667.859.676 đồng (31/12/2010: 764.316.152 đồng).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết <u>VND</u>	Trái phiếu <u>VND</u>	Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ				
Tại ngày 1/1/2011	44.381.299.139	100.000.000	112.367.989.041	156.849.288.180
Tăng trong năm	457.466.667	-	-	457.466.667
Giảm trong năm	<u>(44.666.988.114)</u>	<u>(100.000.000)</u>	<u>(112.367.989.041)</u>	<u>(157.134.977.155)</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>171.777.692</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>171.777.692</u>
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ				
Tại ngày 1/1/2011	(13.948.151.429)	-	-	(13.948.151.429)
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	<u>13.823.605.437</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.823.605.437</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>(124.545.992)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(124.545.992)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN				
Tại ngày 31/12/2011	<u>47.231.700</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>47.231.700</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>30.433.147.710</u>	<u>100.000.000</u>	<u>112.367.989.041</u>	<u>142.901.136.751</u>

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị của 2.000 thiết bị bảo mật tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	16.513.952.571	856.829.546	781.244.459	18.152.026.576
Tăng trong năm	24.200.000	-	20.790.000	44.990.000
Thanh lý	(63.719.465)	-	(96.418.828)	(160.138.293)
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.474.433.106</u>	<u>856.829.546</u>	<u>705.615.631</u>	<u>18.036.878.283</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	(7.626.816.711)	(359.044.082)	(312.859.941)	(8.298.720.734)
Khấu hao trong năm	(2.061.148.141)	(85.334.652)	(99.512.568)	(2.245.995.361)
Giảm do thanh lý	40.939.626	-	50.300.412	91.240.038
Tại ngày 31/12/2011	<u>(9.647.025.226)</u>	<u>(444.378.734)</u>	<u>(362.072.097)</u>	<u>(10.453.476.057)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>6.827.407.880</u>	<u>412.450.812</u>	<u>343.543.534</u>	<u>7.583.402.226</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>8.887.135.860</u>	<u>497.785.464</u>	<u>468.384.518</u>	<u>9.853.305.842</u>

9. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011	16.618.177.066
Tăng trong năm	488.162.500
Tại ngày 31/12/2011	<u>17.106.339.566</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	(4.266.671.101)
Khấu hao trong năm	(2.126.804.720)
Tại ngày 31/12/2011	<u>(6.393.475.821)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	<u>10.712.863.745</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.351.505.965</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí di dời, lắp đặt và sửa chữa văn phòng (văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh)	961.111.724	1.959.181.424
Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật	194.941.866	416.997.438
Hệ thống kiểm soát và báo cháy (văn phòng Hà Nội)	-	52.692.976
Bản quyền và phần mềm của thiết bị bảo mật	430.372.800	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	63.126.878	127.572.694
	<u>1.649.553.268</u>	<u>2.556.444.532</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Số 72 – 74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.467.038	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.194.015	42.640.330
Các loại thuế khác	1.198.038	17.103.028
	<u><u>4.859.091</u></u>	<u><u>59.743.358</u></u>

12. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản phải trả cho các nhà đầu tư.

13. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2011	31/12/2010
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u><u>360.000.000.000</u></u>	<u><u>360.000.000.000</u></u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Danh sách các cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	đăng ký kinh doanh		31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Seamico Securities PLC	-	-	67.965.000.000	67.965.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	35.000.000.000	9,72	89.117.000.000	88.667.000.000
Công ty TNHH Ngọc Phong	10.000.000.000	2,78	10.000.000.000	10.000.000.000
La Mỹ Phương	-	-	35.775.000.000	35.775.000.000
Trần Ái Trung	10.000.000.000	2,78	-	5.000.000.000
Đoàn Quang Sang	12.500.000.000	3,47	2.000.000.000	4.000.000.000
Đặng Triệu Hòa	6.000.000.000	1,67	-	6.000.000.000
Chung Văn Đạt	<u>12.500.000.000</u>	<u>3,47</u>	<u>5.050.000.000</u>	<u>6.500.000.000</u>

14. DOANH THU KHÁC

Doanh thu khác chủ yếu là khoản thu nhập tiền gửi từ các khoản ký gửi ngân hàng ngắn hạn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	15.061.305.147	(9.737.989.296)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(256.393.900)	(614.439.640)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>281.413.195</u>	<u>776.310.978</u>
Thu nhập chịu thuế	15.086.324.442	(9.576.117.958)
Lỗ tính thuế mang sang	<u>(15.086.324.442)</u>	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	<u>25%</u>	<u>25%</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 57.755.169.793 đồng (năm 2010: 72.841.494.235 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ của Công ty sẽ hết hạn chuyển trong vòng năm năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh khoản lỗ tính thuế. Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
2013	32.313.245.656	32.313.245.656
2014	15.865.806.179	30.952.130.621
2015	<u>9.576.117.958</u>	<u>9.576.117.958</u>
	<u>57.755.169.793</u>	<u>72.841.494.235</u>

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	15.061.305.147	(9.737.989.296)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.061.305.147	(9.737.989.296)
Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành	<u>36.000.000</u>	<u>36.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>418</u>	<u>(270)</u>

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.328.543.086</u>	<u>5.359.039.655</u>

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.303.554.074	4.046.419.661
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>772.735.462</u>	<u>3.709.218.022</u>
	<u>4.076.289.536</u>	<u>7.755.637.683</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh. Các hợp đồng thuê văn phòng có thời hạn từ hai đến ba năm và kết thúc vào năm 2012. Số tiền thuê văn phòng là không đổi trong suốt thời gian thuê.

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ, bao gồm vốn cổ phần và lỗ lũy kế.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	275.123.670.080	108.323.408.720
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	47.231.700	142.901.136.751
Phải thu khách hàng	304.463.623	2.284.717.020
Các khoản phải thu khác	4.672.000.000	5.014.176.776
Tài sản ngắn hạn khác	33.675.000	-
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	241.255.100	201.663.775
Tài sản dài hạn khác	719.970.560	1.280.607.872
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	549.859.200	521.067.060
Chi phí phải trả	687.153.589	1.166.732.882
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.703.440.845	1.759.932.004
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.204	864.200
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.387.241	115.582.642

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	549.859.200	716.128.050	-	1.144.818

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền) của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 5 của Thuyết minh này. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có chỉ số tín dụng đáng tin cậy và yêu cầu đảm bảo trong các trường hợp cần thiết, như là một phương tiện hạn chế rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Công ty đảm bảo duy trì số dư tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền tạo ra đủ để duy trì các hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo tính thanh khoản thông qua khả năng tạo ra tiền từ hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì số dư tiền tối thiểu.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Seamico Securities PLC		
Chi phí tư vấn	124.870.610	4.981.723.143

Thu nhập của Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	772.778.900	1.453.274.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	Đơn vị	2011	2010
1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,75	9,11
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,25	90,89
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	1,30	1,26
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	98,70	98,74
3. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	36,62	(31,66)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	36,62	(31,66)
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,09	(3,30)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,09	(3,30)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5,16	(3,38)
4. Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/ Nợ phải trả	Lần	76,67	79,46
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	71,49	72,22
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	70,81	71,74



Trương Gia Bảo
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 2 năm 2012



Trần Minh Vinh
 Kế toán trưởng